

Bản án số: 04/2019/DS-PT

Ngày: 23/01/2019

Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Thẩm phán: 1- Ông Trần Bình Đào

2- Ông Võ Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2018/TLPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2018 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2018/DS-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2019/QĐ-PT ngày 11/01/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1975

Địa chỉ: khu phố T, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1979

Địa chỉ: khu phố T, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn K

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà với ông K quen biết nhau nên ông K mượn nhiều lần tiền và vàng từ năm 2015 đến năm 2017. Đến ngày 12/01/2018 bà tổng kết lại số tiền và vàng mà ông K đã mượn là 700.000.000 đồng và 3 (ba) cây vàng 18k, ông K thừa nhận và đồng ý ký vào giấy nợ. Ông K hứa khi nào bà cần phải cho ông K hay để ông K giao trả toàn bộ số tiền và vàng nói trên. Ngày 03/5/2018 bà thông báo cho ông K biết là bà cần lấy lại số tiền và vàng nhưng ông K không trả mà còn tỏ thái độ hung hăng không muốn trả, hai bên có xảy ra mâu thuẫn và ông K thách thức bà đi khởi kiện. Bà làm đơn yêu cầu Ban nhân dân khu phố T, thị trấn D giải quyết nhưng ông K không thừa nhận mượn số tiền và vàng nêu trên, ông K còn vu khống bà thuê xã hội đen ép ông K ký vào giấy nợ nên cuộc hòa giải không thành. Sau khi hòa giải ông K nói nếu bà đi khởi kiện tại Tòa án, ông K trả cho bà mỗi tháng 5.000.000 đồng chứng tỏ ông K thừa nhận số nợ này. Nay bà yêu cầu ông K phải trả cho bà số tiền 700.000.000 đồng và 3 (ba) cây vàng 18k, không yêu cầu tính lãi suất.

* Ông Nguyễn Văn K trình bày: Vào cuối năm 2016, ông có gặp bà B ở khu vực chợ D, sau đó mới quen nhau. Ông thuê bà B về nhà nấu cơm cho gia đình ông một tháng trả cho bà B 15.000.000 đồng bao gồm tiền chợ và tiền công. Ông biết bà B có vốn nên ông có hỏi mượn bà B, hình thức mượn là giải quyết trong tháng, sau nhiều tháng bà B cộng lại ông mượn bà B 700.000.000 đồng và 3 (ba) cây vàng 18k. Nhưng thực tế số vàng bà B đã bán cho ông, ông đã trả đủ tiền cho bà B, còn số tiền 700.000.000 đồng bà B cộng hàng tháng, cứ vào đầu tháng khi ông mượn tiền, cuối tháng ông trả tiền, bà B không trừ khoản tiền này mà cứ đầu tháng khi ông mượn bà B cứ cộng tiếp theo. Đến năm 2017 bà B nghỉ, không giúp việc cho nhà ông nên bà B đòi tiền gây áp lực cho ông, bà B nói ông nợ 700.000.000 đồng và 3 (ba) cây vàng 18k, ông không chấp nhận. Ông có nói: *“Sao mỗi lần tôi trả bà không trừ ra”*, bà B nói: *“Có ký giấy nợ đâu mà trừ”*, số tiền này ông mượn bà B cộng lại theo sổ hàng tháng. Ông yêu cầu bà B đưa sổ sách ra xem nhưng bà B không đưa mà cứ khẳng định là ông có mượn tiền và vàng của bà B. Cùng thời điểm này ông tập trung làm ăn nên bà B thường xuyên gây áp lực cho ông, bà B viết sẵn giấy nợ với nội dung ông có mượn của bà B

700.000.000 đồng và 3 (ba) cây vàng 18k, lúc nào muốn trả thì trả, muốn mượn thì cứ mượn. Nếu ông không ký tên thì bà B không cho mượn nữa và tiếp tục làm phiền, gây áp lực cho ông, bản thân ông đang cần vốn và muốn yên ổn để làm ăn nên ông mới ký tên vào giấy nợ. Nay bà B yêu cầu ông trả số tiền 700.000.000 đồng và 3 (ba) cây vàng 18k thì ông không đồng ý vì hàng tháng ông đã thanh toán hết số tiền cho bà B. Ông yêu cầu Tòa án xử bác đơn khởi kiện của bà B.

*** Tại bản án sơ thẩm số 18/2018/DS-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định:**

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với ông Nguyễn Văn K. Buộc ông Nguyễn Văn K phải có nghĩa vụ trả số tiền 700.000.000 đồng và 30 (ba mươi) chỉ vàng 18k cho bà Nguyễn Thị B.

Án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Ngày 23/10/2018 ông K kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 18/2018/DSST-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện P và yêu cầu buộc bà B cung cấp tài liệu, chứng cứ có chữ ký của ông liên quan đến số tiền và số vàng mượn nói trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K yêu cầu bà B cung cấp tài liệu, chứng cứ có chữ ký của ông liên quan đến số tiền mượn 700.000.000 đồng và 30 (ba mươi) chỉ vàng 18k. Ông yêu cầu bác đơn khởi kiện của bà B.

Còn bà B yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc ông K phải có nghĩa vụ trả số tiền mượn 700.000.000 đồng và 30 (ba mươi) chỉ vàng 18k.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông K, sửa bản án sơ thẩm về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn K trả số tiền 700.000.000đồng và 03 (ba) cây vàng 18k mà bà đã cho ông K mượn theo “giấy nợ” ngày 12/01/2018. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp đòi tài sản” là chưa phù hợp, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xác định quan hệ pháp luật cho phù hợp trong vụ án là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Bà Nguyễn Thị B khởi kiện cho rằng do quen biết tình cảm với ông K nên cho ông K mượn nhiều lần tiền và vàng từ năm 2015 đến năm 2017, ngày 12/01/2018 bà tổng kết lại số tiền và vàng mà ông K đã mượn là 700.000.000 đồng và 3 (ba) cây vàng 18k, ông K đồng ý ký vào giấy nợ; còn ông K cho rằng ông làm nghề Kim hoàn (thợ bạc), có quen biết bà B và thuê bà B về nhà nấu cơm cho gia đình. Vì bà B có vốn nên ông có hỏi mượn bà B, hình thức mượn là giải quyết trong tháng, sau nhiều tháng bà B cộng lại ông mượn bà Bình 700.000.000 đồng và 3 (ba) cây vàng 18k nhưng thực tế số vàng bà B đã bán cho ông, còn số tiền 700.000.000đồng bà B cộng hàng tháng, cứ vào đầu tháng khi ông mượn tiền, cuối tháng ông trả tiền, bà B không trừ khoản tiền này mà cứ đầu tháng khi ông mượn bà B cứ cộng tiếp theo. Ông K xác định không còn nợ tiền và vàng của bà B. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B, buộc ông K phải có nghĩa vụ trả số tiền mượn 700.000.000 đồng và 30 (ba mươi) chỉ vàng 18k, ông K không đồng ý và kháng cáo.

[3] Xét nội dung kháng cáo của ông K yêu cầu hủy bản án sơ thẩm số 18/2018/DSST-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện P và yêu cầu bà B cung cấp tài liệu, chứng cứ có chữ ký của ông K liên quan đến số tiền và số vàng mượn nói trên. Hội đồng xét xử xét thấy, bà B khởi kiện cho rằng ông K mượn của bà nhiều lần tiền và vàng từ năm 2015 đến năm 2017, đến ngày 12/01/2018 tổng kết lại số tiền và vàng mà ông K đã mượn là 700.000.000 đồng và 3 (ba) cây vàng 18k. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà B đã nộp “giấy nợ” đề ngày 12/01/2018, nội dung thể hiện rõ ông K có mượn của bà B số tiền 700.000.000đồng và số vàng là 03 (ba) cây vàng 18k (bút lục 05). Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông K đều thừa nhận chữ ký của ông K trong giấy

nợ này, ông K còn thừa nhận sửa ngày trả nợ “*ngày 12 tháng 4 năm 2018*” thành “*khi nào muốn trả thì trả*”.

[4] Ông K cho rằng bà B đòi tiền gây áp lực cho ông, ép buộc ông ký tên vào giấy nợ, nhưng vì muốn tập trung làm ăn nên ông mới ký tên vào giấy nợ. Tuy nhiên tại bản tự khai ngày 25/6/2018, ông K khai rằng giấy nợ là do bà B lừa ông ký tên chứ ông không còn thiếu khoản tiền nào của bà B, giấy nợ hai bên cũng thỏa thuận khi nào muốn trả thì trả nên bà B không có cơ gì lừa dối ông ký tên rồi khởi kiện. Ông yêu cầu bác đơn khởi kiện của bà B, nếu Tòa án xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì công nhận sự thỏa thuận của hai bên muốn trả lúc nào thì trả (bút lục 23). Còn tại biên bản đối chất ngày 06/9/2018 ông K cho rằng giấy nợ là do bà B cứ đến làm phiền và kêu giang hồ đến nhà ông ép buộc ký tên vào giấy nợ nhưng trong giấy nợ ông với bà B có thỏa thuận nên ông có ghi khi nào muốn trả thì trả (bút lục 43). Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp; đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Xét thấy, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông K không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh cho lời khai nại của mình về việc ông bị bà B lừa dối hay ép buộc ký tên vào “giấy nợ” ngày 12/01/2018, hai bên đương sự đều xác nhận việc làm ăn, có tình cảm nam nữ với nhau, thỏa thuận giữa hai bên cũng không có ai khác biết. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo của ông K.

[5] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót trong tính án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, cụ thể ông K phải có nghĩa vụ trả số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) và 30 (ba mươi) chỉ vàng 18k ($30 \text{ chỉ} \times 2.250.000 \text{ đồng} = 67.500.000 \text{ đồng}$) nên phải chịu án phí của tổng số tiền 767.500.000 đồng là:

$$20.000.000 \text{ đồng} + (4\% \times 367.500.000 \text{ đồng}) = 34.700.000 \text{ đồng}.$$

[6] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị án nên chấp nhận ý kiến đề xuất của kiểm sát viên, không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông K, cần thiết sửa bản án sơ thẩm về quan hệ pháp luật và án phí.

[7] Về án phí phúc thẩm: Ông K kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 166, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 468, khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn K. Sửa bản án sơ thẩm số 18/2018/DS-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện P về án phí.

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với ông Nguyễn Văn K.

Buộc ông Nguyễn Văn K phải có nghĩa vụ trả số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) và 30 (ba mươi) chỉ vàng 18k cho bà Nguyễn Thị B.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2- Về án phí:

Bà B không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền 18.075.000 đồng (mười tám triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003198 ngày 07/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

Ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 34.700.000đồng, phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đồng theo lai thu số 0008042 ngày 25/10/2018 của

Chi Cục thi hành án dân sự huyện P, ông K phải nộp tiếp số tiền 34.700.000đồng (ba mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện P;
- THA dân sự huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nhiên